TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NHÀ BÈ** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 61/2021/QĐST-HNGĐ	*Nhà Bè, ngày 09 tháng 3 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 361 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57; 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117, 118 và Điều 119 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 487/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2020 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Phạm Xuân H, sinh năm 1981;
- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1983.

Cùng địa chỉ: Số X Đường Huỳnh Tấn Phát, Khu phố 6, thị trấn Nhà Bè, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết việc dân sự:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 135 quyển số 01/2020 do Uỷ ban nhân dân Phường 19, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07/12/2007 thì ông Phạm Xuân H và bà Nguyễn Thị T có quan hệ hôn nhân hợp pháp. Ông H và bà T cùng thuận tình ly hôn. Ông H và bà T cùng cư trú tại huyện Nhà Bè, do đó việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35; điểm h khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về các yêu cầu của đương sự:

Theo lời trình bày của ông H và bà T thì sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng kể từ giữa năm 2017 thì cả hai phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, từ đó dẫn đến việc sống ly thân. Mặc dù cả hai

đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng vẫn không có kết quả. Nay ông H và bà T cùng yêu cầu Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn.

Về con chung các bên thống nhất giao trẻ Phạm Đức A, sinh ngày 10/10/2008 cho cho bà Thấm trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông H và bà T thỏa thuận ông H sẽ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, thực hiện vào ngày 01 hàng tháng, bắt đầu ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật, thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Về tài sản chung: Hai bên xác nhận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Hai bên xác nhận không có.

Xét: Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Do vậy, việc công nhận thuận tình ly hôn của ông Phạm Xuân H và bà Nguyễn Thị T là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành (ngày 01/3/2021), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Xuân H và bà Nguyễn Thị T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 01 con chung là trẻ Phạm Đức A, sinh ngày 10/10/2008. Ông H và bà T thỏa thuận giao trẻ Phạm Đức A cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Phạm Xuân H đồng ý cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000 đồng/tháng (Ba triệu đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, thực hiện vào ngày 01 hàng tháng, bắt đầu ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật, thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày đến hạn cấp dưỡng và bà Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu thi hành án mà ông Phạm Xuân H chậm thi hành khoản tiền cấp dưỡng nêu trên thì ông Phạm Xuân H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải cấp dưỡng theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc

gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có.

2. Lệ phí giải quyết việc dân sự: Ông H và bà T mỗi người phải nộp 150.000 đồng được cấn trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0073036 ngày 03 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông H và bà T đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Nhà Bè;
- CCTHADS huyện Nhà Bè;
- UBND Phường 19, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Lê Thu Hiền